

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *19* /NQ-HĐND

Phước Long, ngày *27* tháng *7* năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021-2025,  
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Phước Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Trẻ em ngày 19/4/2016;*

*Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;*

*Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030.*

*Thực hiện Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 85TTr-UBND ngày 07/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 17/7/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua đối tượng áp dụng, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và kinh phí đảm bảo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã, với những nội dung chính như sau:

### 1. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình, công dân Việt Nam;
- b) Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số;
- c) Cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, khu phố;
- d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### 2. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

### 3. Các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em

– Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 100% vào các năm và đến năm 2030;

– Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 100% vào năm 2025 và đến năm 2030;

– Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 4,7 vào năm 2025 và dưới 3,5 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 6,5 vào năm 2025 và dưới 4 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống 2,5‰ vào năm 2025 và dưới 2‰ vào năm 2030;

– Chỉ tiêu 4: Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 4,2% vào năm 2025 và dưới 4,0% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 4,6% vào năm 2025 và dưới 4,0% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 0,5% đối với nông thôn và dưới 1,0% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030;

– Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 100% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 0% vào năm 2030;
- Chỉ tiêu 7: 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh;

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,4% vào năm 2025 và 0,3% vào năm 2030; 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp;

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 0,04% vào năm 2025 và xuống dưới 0,03% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 0,05% vào năm 2025 và xuống 0,03% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 100/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 50/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 10/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 05/100.000 vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 12: 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời;

- Chỉ tiêu 13: Trên địa bàn không còn tình trạng tảo hôn;

- Chỉ tiêu 14: 100% trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đúng hạn;

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,5% vào năm 2025 và 99,9% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,5% vào năm 2025 và 99,8% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,8%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,001%;

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 99,5%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,003% vào năm 2025 và dưới 0,002% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 100% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025;

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh khuyết tật đạt 80% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 90% vào năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030;

- Chỉ tiêu 21: 100% xã, phường có điểm văn hóa, vui chơi cho trẻ em;

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em;

– Chỉ tiêu 22: Phần đầu 40% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 50% vào năm 2030;

– Chỉ tiêu 23: Phần đầu 90% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 95% vào năm 2030;

– Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 50% vào năm 2030;

#### 4. Các giải pháp cơ bản

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các cấp; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch đề ra. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em;

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông để mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào vùng dân tộc ít người, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em;

c) Tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSTE vào các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em;

d) Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác;

đ) Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các xã, phường quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến



trẻ em;

e) Cùng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác trẻ em; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở;

ê) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em;

5. Hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các thôn, khu phố trên địa bàn thị xã

a) Đối tượng áp dụng: Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các thôn, khu phố;

b) Mức hỗ trợ: được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng;

## 6. Kinh phí

Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, ban, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước; lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, 02 Ban của Hội đồng nhân dân thị xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa IV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- Sở LĐTB&XH;
- TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- 02 Ban và ĐB.HĐND, TV.UBND thị xã;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT, ~~TC~~



**CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Sơn**